

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

(Khoa Quản lý kinh doanh)

ĐỀ CƯƠNG
BÀI GIẢNG XUẤT NHẬP KHẨU NGÀNH MAY
(Lưu hành nội bộ)

Hà Nội, 2018

MỤC LỤC

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về hoạt động xuất nhập khẩu	1
1.1. Các khái niệm cơ bản về hoạt động xuất nhập khẩu	4
1.1.1. Xuất khẩu	4
1.1.2. Nhập khẩu	4
1.2. Các học thuyết về thương mại quốc tế.....	5
1.2.1. Lý thuyết lợi thế tuyệt đối.....	5
1.2.2. Lý thuyết lợi thế tương đối	5
1.2.4. Lý thuyết HECKSCHER- OHLIN.	6
1.3. Vai trò của hoạt động xuất nhập khẩu	6
1.3.1. Vai trò của hoạt động xuất khẩu	6
Đối với nền kinh tế toàn cầu.....	6
Đối với nền kinh tế mỗi quốc gia	7
Vai trò của xuất khẩu đối với các doanh nghiệp	9
1.3.2. Vai trò của hoạt động nhập khẩu	10
Chương 2: Một số nghiệp vụ ngoại thương liên quan đến ngành may	12
2.1. Các phương thức giao dịch chủ yếu trên thị trường quốc tế	12
2.1.1. Giao dịch buôn bán thông thường	12
2.1.1.1. Giao dịch buôn bán thông thường trực tiếp.....	12
2.1.1.2. Giao dịch buôn bán qua trung gian.	15
2.1.2. Buôn bán đối lưu.....	18
2.1.3. Giao dịch tái xuất.....	19
2.1.4. Gia công quốc tế	20
2.1.5. Những phương thức giao dịch đặc biệt.....	23
2.1.5.1. Đấu giá quốc tế (International Auction).....	23
2.1.5.2. Đấu thầu quốc tế (International Tender)	24
2.2. Hợp đồng xuất nhập khẩu hàng hóa.....	24
2.2.1. Giới thiệu khái quát về hợp đồng xuất nhập khẩu hàng hóa	24
2.2.2. Đặc điểm hợp đồng xuất nhập khẩu hàng hóa.....	25
2.2.2.1. Về chủ thể:	25
2.2.2.2. Về đối tượng của hợp đồng:.....	25

2.2.2.3. Về đồng tiền thanh toán:	25
2.2.2.4. Về ngôn ngữ của hợp đồng:	26
2.2.2.5. Về cơ quan giải quyết tranh chấp:	26
2.2.2.6. Về luật điều chỉnh hợp đồng (luật áp dụng cho hợp đồng):	26
2.2.3. Hình thức của hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế:	27
2.2.4. Kết cấu của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	28
2.2.3. Nội dung các điều khoản của hợp đồng xuất nhập khẩu hàng hóa	30
Các điều kiện cơ sở giao hàng	48
2.4. Các chứng từ chủ yếu trong kinh doanh xuất nhập khẩu	56
2.4.1. Tờ khai hải quan	56
2.4.2. Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)	57
2.4.3. Vận đơn đường biển (B/L : Bill of lading)	57
- Vận đơn rút gọn (Short B/L) là loại vận đơn tóm tắt những điều khoản chủ yếu. 2.4.4. Chứng từ bảo hiểm.....	59
2.4.5. Giấy chứng nhận phẩm chất (Certificate of quality)	60
2.4.6. Giấy chứng nhận số lượng/trọng lượng (Certificate of quantity/weight)	60
2.4.7. Giấy chứng nhận xuất xứ (Certificate of Origin - C/O)	60
Chương 3: Quản lý nhà nước đối với hoạt động.....	62
xuất nhập khẩu ngành dệt may.....	62
3.1. Quản lý hoạt động nhập khẩu	62
3.1.1. Nguyên tắc của chính sách nhập khẩu.....	62
3.1.2. Các công cụ quản lý và điều hành nhập khẩu	62
3.1.2.1. Công cụ thuế quan (Tariff).....	62
3.1.2.2. Công cụ phi thuế quan	63
3.1.2.3. Những vấn đề về chính sách liên quan đến xuất khẩu hàng dệt may sau khi gia nhập WTO.....	68
Chương 4: Lịch sử hình thành và phát triển ngành dệt may	75
4.1. Quá trình hình thành và phát triển ngành dệt may trên thế giới.....	75
4.2. Lịch sử hình thành và phát triển ngành dệt may Việt Nam.....	77
4.3. Đặc điểm của ngành dệt may	78
4.3.1. Đặc điểm chung của ngành Dệt may Việt nam	78
4.4. Lợi thế và thách thức đối với ngành dệt may Việt Nam	80
4.4.1. Lợi thế của ngành dệt may Việt Nam	80
4.4.2. Thách thức đối với ngành dệt may Việt Nam	81
4.5. Định hướng phát triển của nhà nước về ngành may	82
4.5.1. Quan điểm của Nhà nước về phát triển ngành dệt may.....	82

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU

1.1. Các khái niệm cơ bản về hoạt động xuất nhập khẩu

1.1.1. Xuất khẩu

Hoạt động xuất khẩu hàng hoá là việc bán hàng hoá và dịch vụ cho một quốc gia khác trên cơ sở dùng tiền tệ làm phương tiện thanh toán, với mục tiêu là lợi nhuận. Tiền tệ ở đây có thể là ngoại tệ đối với một quốc gia hoặc với cả hai quốc gia. Mục đích của hoạt động này là khai thác được lợi thế của từng quốc gia trong phân công lao động quốc tế. Khi việc trao đổi hàng hoá giữa các quốc gia đều có lợi thì các quốc gia đều tích cực tham gia mở rộng hoạt động này.

Theo luật thương mại 2005 của Việt Nam định nghĩa: “*Xuất khẩu hàng hoá là việc hàng hoá được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa vào khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật*” (Điều 28 Khoản 1).

Hoạt động xuất khẩu là hoạt động cơ bản của hoạt động ngoại thương. Nó đã xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử phát triển của xã hội và ngày càng phát triển mạnh mẽ cả về chiều rộng và chiều sâu. Hình thức sơ khai là hoạt động trao đổi hàng hoá nhưng cho đến nay nó đã phát triển rất mạnh và được biểu hiện dưới nhiều hình thức.

Hoạt động xuất khẩu diễn ra trên mọi lĩnh vực, trong mọi điều kiện của nền kinh tế, từ xuất khẩu hàng tiêu dùng cho đến tư liệu sản xuất, máy móc hàng hoá thiết bị công nghệ cao. Tất cả các hoạt động này đều nhằm mục tiêu đem lại lợi ích cho quốc gia nói chung và các doanh nghiệp tham gia nói riêng.

1.1.2. Nhập khẩu

Nhập khẩu của doanh nghiệp là hoạt động mua hàng hóa và dịch vụ từ nước ngoài phục vụ cho nhu cầu trong nước hoặc tái xuất nhằm phục vụ mục đích thu lợi nhuận. Hay nhập khẩu là việc mua hàng hóa từ các tổ chức kinh tế, các công ty nước ngoài và tiến hành tiêu thụ hàng hóa nhập khẩu tại thị trường nội địa hoặc tái xuất khẩu với mục đích thu lợi nhuận và nối liền sản xuất với tiêu dùng.

Luật thương mại 2005 của Việt Nam định nghĩa: “*Nhập khẩu hàng hoá là việc hàng hoá được đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ nước ngoài hoặc từ khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật*” (Điều 28 Khoản 2).

1.2. Các học thuyết về thương mại quốc tế

1.2.1. Lý thuyết lợi thế tuyệt đối

Theo quan điểm về lợi thế tuyệt đối của nhà kinh tế học **Adam Smith**, một quốc gia chỉ sản xuất các loại hàng hoá, mà việc sản xuất này sử dụng tốt nhất, hiệu quả nhất các tài nguyên sẵn có của quốc gia đó. Đây là một trong những giải thích đơn giản về lợi ích của thương mại quốc tế nói chung và xuất khẩu nói riêng. Nhưng trên thực tế việc tiến hành trao đổi phải dựa trên nguyên tắc đôi bên cùng có lợi. Nếu trong trường hợp một quốc gia có lợi và một quốc gia khác bị thiệt thì họ sẽ từ chối tham gia vào hợp đồng trao đổi này.

Tuy nhiên, lợi thế tuyệt đối của Adam Smith cũng giải thích được một phần nào đó của việc đem lại lợi ích của xuất khẩu giữa các nước đang phát triển. Với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế toàn cầu mấy thập kỷ vừa qua cho thấy hoạt động xuất khẩu chủ yếu diễn ra giữa các quốc gia đang phát triển với nhau, điều này không thể giải thích bằng lý thuyết lợi thế tuyệt đối. Trong những cố gắng để giải thích các cơ sở của thương mại quốc tế nói chung và xuất khẩu nói riêng, lợi thế tuyệt đối chỉ còn là một trong những trường hợp của lợi thế so sánh.

1.2.2. Lý thuyết lợi thế tương đối

Theo như quan điểm của lợi thế so sánh của nhà kinh tế học người Anh David Ricardo. ông cho rằng nếu một quốc gia có hiệu quả thấp hơn so với hiệu quả của quốc gia khác trong việc sản xuất tất cả các loại sản phẩm thì quốc gia đó vẫn có thể tham gia vào hoạt động xuất khẩu để tạo ra lợi ích. Khi tham gia vào hoạt động xuất khẩu quốc gia đó sẽ tham gia vào việc sản xuất và xuất khẩu các loại hàng hoá mà việc sản xuất ra chúng ít bất lợi nhất (đó là những hàng hoá có lợi thế tương đối) và nhập khẩu những hàng hoá mà việc sản xuất ra chúng có những bất lợi hơn (đó là những hàng hoá không có lợi thế tương đối).

Ông bắt đầu với việc chỉ ra những lợi ích của thương mại quốc tế do sự chênh lệch giữa các quốc gia về chi phí cơ hội. "Chi phí cơ hội của một hàng hoá là một số lượng các hàng hoá khác người ta phải bỏ để sản xuất hoặc kinh doanh thêm vào một đơn vị hàng hoá nào đó"

1.2.4. Lý thuyết HECKCHER- OHLIN.

Như chúng ta đã biết lý thuyết lợi thế so sánh của David Ricardo chỉ đề cập đến mô hình đơn giản chỉ có hai nước và việc sản xuất hàng hoá chỉ với một nguồn đầu vào là lao động. Vì thế mà lý thuyết của David Ricardo chưa giải thích một cách rõ ràng về nguồn gốc cũng như là lợi ích của các hoạt động xuất khẩu trong nền kinh tế hiện đại. Để đi tiếp con đường của các nhà khoa học đi trước hai nhà kinh tế học người Thụy Điển đã bổ sung mô hình mới trong đó ông đã đề cập tới hai yếu tố đầu vào là vốn và lao động. Học thuyết Heckscher- Ohlin phát biểu: Một nước sẽ xuất khẩu loại hàng hoá mà việc sản xuất ra chúng sử dụng nhiều yếu tố rẻ và tương đối sẵn của nước đó và nhập khẩu những hàng hoá mà việc sản xuất ra chúng cần nhiều yếu tố đắt và tương đối khan hiếm ở quốc gia đó. Hay nói một cách khác một quốc gia tương đối giàu lao động sẽ sản xuất hàng hoá sử dụng nhiều lao động và nhập khẩu những hàng hoá sử dụng nhiều vốn.

Về bản chất học thuyết Heckscher- Ohlin căn cứ về sự khác biệt về tình phong phú và giá cả tương đối của các yếu tố sản xuất, là nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt về giá cả tương đối của hàng hoá giữa các quốc gia trước khi có các hoạt động xuất khẩu để chỉ rõ lợi ích của các hoạt động xuất khẩu. sự khác biệt về giá cả tương đối của các yếu tố sản xuất và giá cả tương đối của các hàng hoá sau đó sẽ được chuyển thành sự khác biệt về giá cả tuyệt đối của hàng hoá. Sự khác biệt về giá cả tuyệt đối của hàng hoá là nguồn lợi của hoạt động xuất khẩu.

Nói một cách khác, một quốc gia dù ở trong tình huống bất lợi vẫn có thể tìm ra điểm có lợi để khai thác. Bằng việc khai thác các lợi thế này các quốc gia tập trung vào việc sản xuất và xuất khẩu những mặt hàng có lợi thế tương đối và nhập khẩu những mặt hàng không có lợi thế tương đối. Sự chuyên môn hoá trong sản xuất này làm cho mỗi quốc gia khai thác được lợi thế của mình một cách tốt nhất, giúp tiết kiệm được những nguồn lực như vốn, lao động, tài nguyên thiên nhiên...trong quá trình sản xuất hàng hoá. Chính vì vậy trên quy mô toàn thế giới thì tổng sản phẩm cũng sẽ tăng.

1.3. Vai trò của hoạt động xuất nhập khẩu

1.3.1. Vai trò của hoạt động xuất khẩu

Đối với nền kinh tế toàn cầu

Như chúng ta đã biết xuất khẩu hàng hoá xuất hiện từ rất sớm. Nó là hoạt động buôn bán trên phạm vi giữa các quốc gia với nhau (quốc tế). Nó không phải là hành vi buôn bán riêng lẻ,

đơn phương mà ta có cả một hệ thống các quan hệ buôn bán trong tổ chức thương mại toàn cầu. Với mục tiêu là tiêu thụ sản phẩm của một doanh nghiệp nói riêng cả quốc gia nói chung. Hoạt động xuất khẩu là một nội dung chính của hoạt động ngoại thương và là hoạt động đầu tiên của thương mại quốc tế. Xuất khẩu có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế của từng quốc gia cũng như trên toàn thế giới.

Xuất khẩu hàng hoá nằm trong lĩnh vực lưu thông hàng hoá là một trong bốn khâu của quá trình sản xuất mở rộng. Đây là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng của nước này với nước khác. Có thể nói sự phát triển của xuất khẩu sẽ là một trong những động lực chính để thúc đẩy sản xuất.

Trước hết, xuất khẩu bắt nguồn từ sự đa dạng về điều kiện tự nhiên của sản xuất giữa các nước, nên chuyên môn hoá một số mặt hàng có lợi thế và nhập khẩu các mặt hàng khác từ nước ngoài mà sản xuất trong nước kém lợi thế hơn thì chắc chắn sẽ đem lại lợi nhuận lớn hơn. Điều này được thể hiện bằng lý thuyết sau.

Đối với nền kinh tế mỗi quốc gia

Xuất khẩu là một trong những tổ tạo đà, thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.

a. Xuất khẩu tạo nguồn vốn cho nhập khẩu, phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Đối với mọi quốc gia đang phát triển thì bước đi thích hợp nhất là phải công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước để khắc phục tình trạng nghèo nàn lạc hậu chận phát triển. Tuy nhiên quá trình công nghiệp hoá phải có một lượng vốn lớn để nhập khẩu công nghệ thiết bị tiên tiến. Thực tế cho thấy, để có nguồn vốn nhập khẩu một nước có thể sử dụng nguồn vốn huy động chính như sau:

- + Đầu tư nước ngoài, vay nợ các nguồn viện trợ
- + Thu từ các hoạt động du lịch dịch vụ thu ngoại tệ trong nước
- + Thu từ hoạt động xuất khẩu

Tầm quan trọng của vốn đầu tư nước ngoài thì không ai có thể phủ nhận được, song việc huy động chúng không phải dễ dàng. Sử dụng nguồn vốn này, các nước đi vay phải chịu thiệt thòi, phải chịu một số điều kiện bất lợi và sẽ phải trả sau này.

Bởi vì vậy xuất khẩu là một hoạt động tạo một nguồn vốn rất quan trọng nhất. Xuất khẩu tạo tiền đề cho nhập khẩu, nó quyết định đến qui mô tốc độ tăng trưởng của hoạt động nhập

khẩu. ở một số nước một trong những nguyên nhân chủ yếu của tình trạng kém phát triển là do thiếu tiềm năng về vốn do đó họ cho nguồn vốn ở bên ngoài là chủ yếu, song mọi cơ hội đầu tư vay nợ và viện trợ của nước ngoài chỉ thuận lợi khi chủ đầu tư và người cho vay thấy được khả năng sản xuất và xuất khẩu – nguồn vốn duy nhất để trả nợ thành hiện thực .

b. Xuất khẩu thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế thúc đẩy sản xuất phát triển

Dưới tác động của xuất khẩu, cơ cấu sản xuất và tiêu dùng của thế giới đã và đang thay đổi mạnh mẽ. Xuất khẩu làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các quốc gia từ nông nghiệp chuyển sang công nghiệp và dịch vụ.

Thứ nhất, chỉ xuất khẩu những sản phẩm thừa so với nhu cầu tiêu dùng nội địa. Trong trường hợp nền kinh tế còn lạc hậu và chậm phát triển sản xuất về cơ bản chưa đủ tiêu dùng, nếu chỉ thụ động chờ ở sự dư thừa ra của sản xuất thì xuất khẩu chỉ bó hẹp trong phạm vi nhỏ và tăng trưởng chậm, do đó các ngành sản xuất không có cơ hội phát triển.

Thứ hai, coi thị trường thế giới để tổ chức sản xuất và xuất khẩu. Quan điểm này tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế thúc đẩy xuất khẩu. Nó thể hiện:

- + Xuất khẩu tạo tiền đề cho các ngành cùng có cơ hội phát triển. Điều này có thể thông qua ví dụ như khi phát triển ngành dệt may xuất khẩu, các ngành khác như bông, kéo sợi, nhuộm, tẩy...sẽ có điều kiện phát triển.

- + xuất khẩu tạo điều kiện mở rộng thị trường sản phẩm, góp phần ổn định sản xuất, tạo lợi thế nhờ quy mô.

- + Xuất khẩu tạo điều kiện mở rộng khả năng cung cấp đầu vào cho sản xuất, mở rộng thị trường tiêu dùng của một quốc gia. Nó cho phép một quốc gia có thể tiêu dùng tất cả các mặt hàng với số lượng lớn hơn nhiều lần giới hạn khả năng sản xuất của quốc gia đó thậm chí cả những mặt hàng mà họ không có khả năng sản xuất được.

- + Xuất khẩu góp phần thúc đẩy chuyên môn hoá, tăng cường hiệu quả sản xuất của từng quốc gia. Nó cho phép chuyên môn hoá sản xuất phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu. Trong nền kinh tế hiện đại mang tính toàn cầu hoá như ngày nay, mỗi loại sản phẩm người ta nghiên cứu thử nghiệm ở nước thứ nhất, chế tạo ở nước thứ hai, lắp ráp ở nước thứ ba, tiêu thụ ở nước thứ tư và thanh toán thực hiện ở nước thứ 5. Như vậy, hàng hoá sản xuất ra ở mỗi quốc

gia và tiêu thụ ở một quốc gia cho thấy sự tác động ngược trở lại của chuyên môn hoá tới xuất khẩu.

Với đặc điểm quan trọng là tiền tệ sản xuất sử dụng làm phương tiện thanh toán, xuất khẩu góp phần làm tăng dự trữ ngoại tệ một quốc gia. Đặc biệt với các nước đang phát triển đồng tiền không có khả năng chuyển đổi thì ngoại tệ có được nhờ xuất khẩu đóng vai trò quan trọng trong việc điều hoà về cung cấp ngoại tệ, ổn định sản xuất, qua đó góp phần vào tăng trưởng và phát triển kinh tế.

c. Xuất khẩu có tác động tích cực tới việc giải quyết công ăn việc làm, cải thiện đời sống nhân dân.

Đối với công ăn việc làm, xuất khẩu thu hút hàng triệu lao động thông qua việc sản xuất hàng xuất khẩu. Mặt khác, xuất khẩu tạo ra ngoại tệ để nhập khẩu hàng tiêu dùng đáp ứng yêu cầu ngày càng đa dạng và phong phú của nhân dân.

d. Xuất khẩu là cơ sở để mở rộng và thúc đẩy sự phát triển các mối quan hệ kinh tế đối ngoại.

Xuất khẩu và các mối quan hệ kinh tế đối ngoại, ngoại giao có tác động qua lại, phụ thuộc lẫn nhau. Hoạt động xuất khẩu là cơ sở tiền đề vững chắc để xây dựng các mối quan hệ kinh tế đối ngoại sau này, từ đó kéo theo các mối quan hệ khác phát triển như du lịch quốc tế, bảo hiểm quốc tế, tín dụng quốc tế... ngược lại sự phát triển của các ngành này lại tác động trở lại hoạt động xuất khẩu làm cơ sở hạ tầng cho hoạt động xuất khẩu phát triển.

Có thể nói xuất khẩu nói riêng và hoạt động thương mại quốc tế nói chung sẽ dẫn tới những sự thay đổi trong sinh hoạt tiêu dùng hàng hoá của nền kinh tế bằng hai cách:

- + Cho phép khối lượng hàng tiêu dùng nhiều hơn với số hàng hoá được sản xuất ra.
- + Kéo theo sự thay đổi có lợi cho phù hợp với các đặc điểm của sản xuất

Tuy nhiên, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng quốc gia mà các tác động của xuất khẩu đối với các quốc gia khác nhau là khác nhau.

Vai trò của xuất khẩu đối với các doanh nghiệp

Cùng với sự bùng nổ của nền kinh tế toàn cầu thì xu hướng vươn ra thị trường quốc tế là một xu hướng chung của tất cả các quốc gia và các doanh nghiệp. Xuất khẩu là một trong những con đường quen thuộc để các doanh nghiệp thực hiện kế hoạch bành trướng, phát triển, mở rộng thị trường của mình.

Xuất khẩu tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra. Nhờ có xuất khẩu mà tên tuổi của doanh nghiệp không chỉ được các khách hàng trong nước biết đến mà còn có mặt ở thị trường nước ngoài.

Xuất khẩu tạo nguồn ngoại tệ cho các doanh nghiệp, tăng dự trữ qua đó nâng cao khả năng nhập khẩu, thay thế, bổ sung, nâng cấp máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu... phục vụ cho quá trình phát triển.

Xuất khẩu phát huy cao độ tính năng động sáng tạo của cán bộ XNK cũng như các đơn vị tham gia như: tích cực tìm tòi và phát triển các mặt trong khả năng xuất khẩu các thị trường mà doanh nghiệp có khả năng thâm nhập.

Xuất khẩu buộc các doanh nghiệp phải luôn luôn đổi mới và hoàn thiện công tác quản trị kinh doanh. Đồng thời giúp các doanh nghiệp kéo dài tuổi thọ của chu kỳ sống của một sản phẩm.

Xuất khẩu tất yếu dẫn đến cạnh tranh, theo dõi lẫn nhau giữa các đơn vị tham gia xuất khẩu trong và ngoài nước. Đây là một trong những nguyên nhân buộc các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu phải nâng cao chất lượng hàng hoá xuất khẩu, các doanh nghiệp phải chú ý hơn nữa trong việc hạ giá thành của sản phẩm, từ đó tiết kiệm các yếu tố đầu vào, hay nói cách khác tiết kiệm các nguồn lực.

Sản xuất hàng xuất khẩu giúp doanh nghiệp thu hút được thu hút được nhiều lao động bán ra thu nhập ổn định cho đời sống cán bộ của công nhân viên và tăng thêm thu nhập ổn định cho đời sống cán bộ của công nhân viên và tăng thêm lợi nhuận.

Doanh nghiệp tiến hành hoạt động xuất khẩu có cơ hội mở rộng quan hệ buôn bán kinh doanh với nhiều đối tác nước ngoài dựa trên cơ sở đôi bên cùng có lợi.

1.3.2. Vai trò của hoạt động nhập khẩu

Nhập khẩu là một hoạt động quan trọng của ngoại thương. Nhập khẩu tác động trực tiếp và quyết định đến sản xuất và đời sống trong nước.

Nhập khẩu là một nghiệp vụ của hoạt động ngoại thương. Nó là việc mua hàng hoá và dịch vụ từ nước ngoài về phục vụ cho nhu cầu trong nước hoặc tái sản xuất trong nước. Nhập khẩu thể hiện mối liên hệ không thể thiếu giữa các nền kinh tế của các quốc gia với nền kinh tế thế giới.